TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 02/2018/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Q, ngày 05 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định về phí và lệ phí;

Căn cứ Điều 12 và 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 34/2017/TLST–DS ngày 19/10/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Đội , thôn Q, xã Yên S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà: Hồ Thúy S- Trợ giúp viên Trung tâm TGPL Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T**,** sinh năm 1974 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Đều có địa chỉ: Đội ,thôn Q, xã Yên S, huyện Q, Thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (Vợ anh T);

2- Chị Lê Thị B, sinh năm 1981(Vợ anh H);

3- Cháu Nguyễn Thị Tú L, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2004 (Con anh H, chị B) do anh H đại diện cho các con;

4-Bà Phan Thị T, sinh năm 1947.

Đều có địa chỉ: Đội , thôn Quảng Y, xã Yên S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Chị N ủy quyền cho anh T theo giấy ủy quyền ngày 26/12/2017, chị B ủy quyền cho anh H theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2017.

Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Mỹ H, xã Hoài Đ, huyện Lâm H, Tỉnh Lâm Đồng.

Bà Ch ủy quyền cho ông T theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2017.

2.Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1-Ông Nguyễn Quang T được quyền sở hữu diện tích 34,4m2 đất ở X giá: 4.000.000 đồng/1m^2 = 137.600.000 đồng và 1 nhà cấp 4, hai tầng diện tích 68m^2 (do vợ chồng anh Toàn và chị N xây dựng năm 2000; đã qua khấu hao còn lại trị giá: 80.000.000 đồng), tại thửa số 57, tờ bản đồ số 22, Đội , thôn Quảng Y, xã Yên S, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị ông Toản được sở hữu là: 217.600.000đồng.

Có các chiều tiếp giáp:

+ Phía giáp đường làng (bê tông) dài 6.34m;

+ Phía giáp đất nhà ông Nguyễn Văn N dài 5.48m;

+ Phía giáp đất nhà anh H và anh T dài 6.75m;

+ Phía giáp đường 419 (đê sông đáy) dài 5.05m.

(Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo)

2.2- Anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn H được quyền sở hữu diện tích 36,6m^2 đất ở X giá 4.000.000 đồng/1m2 = 146.400.000 đồng và 1 nhà cấp 4diện tích 36m^2 (do vợ chồng anh H và chị B xây dựng năm 2000; đã trừ khấu hao còn lại giá trị 40.000.000 đồng) tại thửa số 59, tờ bản đồ số 22, Đội , thôn Quảng Y, xã Yên , huyện Q, Thành phố Hà Nội. Tổng trị giá trị anh Toản và anh Hoàn được sở hữu là:186.400.000 đồng.

Có các chiều tiếp giáp:

+ Phía giáp đất nhà ông Nguyễn Quang T dài 6.75m;

+ Phía giáp đất nhà ông Nguyễn Văn N dài 5.28m;

+ Phía giáp đất nhà ông Nguyễn Văn T dài 7.20m;

+ Phía giáp đường 419 (đê sông đáy) dài 5.21m.

(Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo)

2.3- Về án phí: Ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí theo giá ngạch là 5.440.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông Toản được miễn toàn bộ án phí vì là người khuyết tật và đang được nhà nước trợ cấp hành tháng theo Giấy xác nhận khuyết tật số 04. QO.YS.99 ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã Yên S cấp.

Anh Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T phải nộp án phí theo giá ngạch là 4.660.000 đồng (bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Anh H và anh T được Giảm 50% án phí theo đơn xin miễn, giảm án phí ngày 25/12/2017 có xác nhận của trưởng thôn và Ủy ban nhân dân xã Yên S xác nhận gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn về kinh tế. Anh H và T còn phải nộp 2.330.000 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó anh T phải nộp 1.165.000 đồng (một triệu một trăm sáu lăm nghìn đồng); anh H còn phải nộp 1.165.000 đồng (một triệu một trăm sáu lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành